

NGÂN HÀNG CÂU HỎI
TRẮC NGHIỆM SINH HỌC 10
HỌC KÌ II

SINH HỌC VI SINH VẬT

- 1. Dựa vào nhu cầu của vi sinh vật đối với nguồn năng lượng và nguồn cacbon chủ yếu, người ta phân chia làm mấy nhóm vi sinh vật ?**
a. 1 b. 2 c. 3 d. 4
- 2. Các vi sinh vật có hình thức quang tự dưỡng là :**
a. Tảo, các vi khuẩn chứa diệp lục
b. Nấm và tất cả vi khuẩn
c. Vi khuẩn lưu huỳnh
d. Cả a,b,c đều đúng
- 3. Hình thức dinh dưỡng bằng nguồn cacbon chủ yếu là CO₂, và năng lượng của ánh sáng được gọi là:**
a. Hoá tự dưỡng c. Quang tự dưỡng
b. Hoá dị dưỡng d. Quang dị dưỡng
- 4. Vi khuẩn lam dinh dưỡng dựa vào nguồn nào sau đây ?**
a. Ánh sáng và chất hữu cơ
b. CO₂ và ánh sáng
c. Chất vô cơ và CO₂
d. Ánh sáng và chất vô cơ
- 5. Quang dị dưỡng có ở :**
a. Vi khuẩn màu tía c. Vi khuẩn sắt
b. Vi khuẩn lưu huỳnh d. Vi khuẩn nitrat hoá
- 6. Vi sinh vật vào sau đây có kiểu dinh dưỡng khác với các vi sinh vật còn lại ?**
a. Tảo đơn bào
b. Vi khuẩn nitrat hoá
c. Vi khuẩn lưu huỳnh
d. Vi khuẩn sắt
- 7. Kiểu dinh dưỡng dựa vào nguồn năng lượng từ chất vô cơ và nguồn cacbon CO₂, được gọi là :**
a. Quang dị dưỡng
b. Hoá dị dưỡng
c. Quang tự dưỡng
d. Hoá tự dưỡng
- 8. Tự dưỡng là :**
a. Tự dưỡng tổng hợp chất vô cơ từ chất hữu cơ
b. Tự dưỡng tổng hợp chất hữu cơ từ chất vô cơ
c. Tổng hợp chất hữu cơ này từ chất hữu cơ khác
d. Tổng hợp chất vô cơ này từ chất vô cơ khác
- 9. Vi sinh vật sau đây có lối sống dị dưỡng là :**
a. Vi khuẩn chứa diệp lục c. Tảo đơn bào
b. Vi khuẩn lam d. Nấm
- 10. Thời gian cần thiết để một tế bào vi sinh vật phân chia được gọi là**

- a. Thời gian một thế hệ
- b. Thời gian sinh trưởng
- c. Thời gian sinh trưởng và phát triển
- d. Thời gian tiềm phát

11. Có một tế bào vi sinh vật có thời gian của một thế hệ là 30 phút. Số tế bào tạo ra từ tế bào nói trên sau 3 giờ là bao nhiêu ?

- a. 64
- b. 32
- c. 16
- d. 8

12. Trong thời gian 100 phút, từ một tế bào vi khuẩn đã phân bào tạo ra tất cả 32 tế bào mới. Hãy cho biết thời gian cần thiết cho một thế hệ của tế bào trên là bao nhiêu ?

- a. 2 giờ
- b. 60 phút
- c. 40 phút
- d. 20 phút

13. Số tế bào tạo ra từ 8 vi khuẩn E. Coli đều phân bào 4 lần là :

- a. 100
- b. 110
- c. 128
- d. 148

14. Trong môi trường cấy không được bổ sung chất dinh dưỡng thì quá trình sinh trưởng của vi sinh vật biểu hiện mấy pha ?

- a. 3
- b. 4
- c. 5
- d. 6

15. Thời gian tính từ lúc vi khuẩn được nuôi cấy đến khi chúng bắt đầu sinh trưởng được gọi là :

- a. Pha tiềm phát
- b. Pha lũy thừa
- c. Pha cân bằng động
- d. Pha suy vong

16. Biểu hiện của vi sinh vật ở pha tiềm phát là :

- a. Vi sinh vật trưởng mạnh
- b. Vi sinh vật trưởng yếu
- c. Vi sinh vật bắt đầu sinh trưởng
- d. Vi sinh vật thích nghi dần với môi trường nuôi cấy

17. Hoạt động nào sau đây xảy ra ở vi sinh vật trong pha phát ?

- a. Tế bào phân chia
- b. Có sự hình thành và tích lũy các enzym
- c. Lượng tế bào tăng mạnh mẽ
- d. Lượng tế bào tăng ít

18. Trong môi trường nuôi cấy, vi sinh có quá trình trao đổi chất mạnh mẽ nhất ở :

- a. Pha tiềm phát
- b. Pha cân bằng động
- c. Pha lũy thừa
- d. Pha suy vong

19. Biểu hiện sinh trưởng của vi sinh vật ở pha cân bằng động là :

- a. Số được sinh ra nhiều hơn số chết đi
- b. Số chết đi nhiều hơn số được sinh ra
- c. Số được sinh ra bằng với số chết đi
- d. Chỉ có chết mà không có sinh ra.

20. Biểu hiện sinh trưởng của vi sinh vật ở pha suy vong là :

- a. Số lượng sinh ra cân bằng với số lượng chết đi
- b. Số chết đi ít hơn số được sinh ra
- c. Số lượng sinh ra ít hơn số lượng chết đi
- d. Không có chết, chỉ có sinh.

VIRUT

1. Hình thức sống của vi rút là :

- a. Sống kí sinh không bắt buộc
- b. Sống hoại sinh
- c. Sống cộng sinh
- d. Sống kí sinh bắt buộc

2. Đặc điểm sinh sản của vi rút là:

- a. Sinh sản bằng cách nhân đôi
- b. Sinh sản dựa vào nguyên liệu của tế bào chủ
- c. Sinh sản hữu tính
- d. Sinh sản tiếp hợp

3. Cấu tạo nào sau đây đúng với vi rút?

- a. Tế bào có màng , tế bào chất , chưa có nhân
- b. Tế bào có màng , tế bào chất , có nhân sơ
- c. Tế bào có màng , tế bào chất , có nhân chuẩn
- d. Có các vỏ capxit chứa bộ gen bên trong

4. Vỏ capxit của vi rút được cấu tạo bằng chất :

- a. Axit đê ô xiribonucleic
- b. Axit ribonucleic
- c. Prôtêin
- d. Disaccarit

5. Nuclêôcapxit là tên gọi dùng để chỉ :

- a. Phức hợp gồm vỏ capxit và axit nucleic
- b. Các vỏ capxit của vi rút
- c. Bộ gen chứa ADN của vi rút
- d. Bộ gen chứa ARN của vi rút

6. Vi rút trần là vi rút

- a. Có nhiều lớp vỏ prôtêin bao bọc
- b. Chỉ có lớp vỏ ngoài , không có lớp vỏ trong
- c. Có cả lớp vỏ trong và lớp vỏ ngoài
- d. Không có lớp vỏ ngoài

7. Trên lớp vỏ ngoài của vi rút có yếu tố nào sau đây ?

- a. Bộ gen
- b. Kháng nguyên
- c. Phân tử ADN
- d. Phân tử ARN

8. Lần đầu tiên , vi rút được phát hiện trên

- a. Cây dâu tây
- b. Cây cà chua
- c. Cây thuốc lá
- d. Cây đậu Hà Lan

9. Dựa vào hình thái ngoài , virut được phân chia thành các dạng nào sau đây?

- a. Dạng que, dạng xoắn
- b. Dạng cầu, dạng khối đa diện, dạng que
- c. Dạng xoắn , dạng khối đa diện , dạng que
- d. Dạng xoắn , dạng khối đa diện, dạng phối hợp

10. Virut nào sau đây có dạng khối ?

- a. Virut gây bệnh khảm ở cây thuốc lá
- b. Virut gây bệnh dại

c. Virut gây bệnh bại liệt

d. Thể thực khuẩn

11. Phagơ là dạng virut sống kí sinh ở :

a. Động vật c. Người

b. Thực vật d. Vi sinh vật

12. Thể thực khuẩn là vi rut có cấu trúc

a. Dạng xoắn c. Dạng khối

b. Dạng phối hợp d. Dạng que

13. Vi rut nào sau đây vừa có dạng cấu trúc khối vừa có dạng cấu trúc xoắn?

a. Thể thực khuẩn c. Virut gây cúm

b. Virut HIV d. Virut gây bệnh dại

14. Quá trình nhân lên của Virut trong tế bào chủ bao gồm mấy giai đoạn

a.3 b.4 c.5 d.6

15. Giai đoạn nào sau đây xảy ra sự liên kết giữa các thụ thể của . Virut với thụ thể của tế bào chủ ?

a. Giai đoạn xâm nhập

b. Giai đoạn sinh tổng hợp

c. Giai đoạn hấp phụ

d. Giai đoạn phóng thích

16. Ở giai đoạn xâm nhập của Virut vào tế bào chủ xảy ra hiện tượng nào sau đây ?

a. Virut bám trên bề mặt của tế bào chủ

b. axit nuclêic của Virut được đưa vào tế bào chất của tế bào chủ

c. Thụ thể của Virut liên kết với thụ thể của tế bào chủ

d. Virut di chuyển vào nhân của tế bào chủ

17. Virut sử dụng enzym và nguyên liệu của tế bào chủ để tổng hợp axit nuclêic và prôtêin. Hoạt động này xảy ra ở giai đoạn nào sau đây ?

a. Giai đoạn hấp phụ

b. Giai đoạn xâm nhập

c. Giai đoạn tổng hợp

d. Giai đoạn phóng thích

18. Hoạt động xảy ra ở giai đoạn lắp ráp của quá trình xâm nhập vào tế bào chủ của virut là

a. Lắp axit nuclêic vào prôtêin để tạo virut

b. Tổng hợp axit nuclêic cho virut

c. Tổng hợp prôtêin cho virut

d. Giải phóng bộ gen của virut vào tế bào chủ

19. Virut được tạo ra rời tế bào chủ ở giai đoạn nào sau đây ?

a. Giai đoạn tổng hợp

b. Giai đoạn phóng thích

c. Giai đoạn lắp ráp

d. Giai đoạn xâm nhập

20. Sinh tan là quá trình :

a. Virut xâm nhập vào tế bào chủ

b. Virut sinh sản trong tế bào chủ

c. Virut nhân lên và làm tan tế bào chủ

d. Virut gắn trên bề mặt của tế bào chủ

21. Hiện tượng Virut xâm nhập và gắn bộ gen vào tế bào chủ mà tế bào chủ vẫn sinh trưởng bình thường được gọi là hiện tượng :

- a. Tiềm tan c. Hoà tan
- b. Sinh tan d. Tan rã

22. Virut nào sau đây gây hội chứng suy giảm miễn dịch ở người?

- a. Thể thực khuẩn c.H5N1
- b. HIV d. Virut của E.coli

23. Các vi sinh vật lợi dụng lúc cơ thể suy giảm miễn dịch để tấn công gây các bệnh khác, được gọi là :

- a. Vi sinh vật cộng sinh
- b. Vi sinh vật hoại sinh
- c. Vi sinh vật cơ hội
- d. Vi sinh vật tiềm tan

24. Quá trình phát triển của bệnh AIDS có mấy giai đoạn ?

- a.5 b.4 c.3 d.2

25. Thông thường thời gian xuất hiện triệu chứng điển hình của bệnh AIDS tính từ lúc bắt đầu nhiễm HIV là :

- a. 10 năm c. 5 năm
- b. 6 năm d. 3 năm

26. Virut di chuyển từ tế bào này sang tế bào khác của cây nhờ vào :

- a. Sự di chuyển của các bào quan
- b. Quá các chất bài tiết từ bộ máy gôn gi
- c. Các cầu sinh chất nối giữa các tế bào
- d. Hoạt động của nhân tế bào

27. Trong các bệnh được liệt kê sau đây , bệnh do virut gây ra là :

- a. Viêm não Nhật bản c. Uốn ván
- b. Thương hàn d. Dịch hạch

28. Bệnh nào sau đây không phải do Virut gây ra ?

- a. Bại liệt c. Viêm gan B
- b. Lang ben d. Quai bị

29. Trong kỹ thuật cấy gen , phago được sử dụng để :

- a. Cắt một đoạn gen của ADN tế bào nhận
- b. Nối một đoạn gen vào ADN của tế bào cho
- c. Làm vật trung gian chuyển gen từ tế bào cho sang tế bào nhận
- d. Tách phân tử ADN khỏi tế bào cho

30. Loại Virut nào sau đây được dùng làm thể truyền gen trong kỹ thuật cấy gen?

- a. Thể thực khuẩn
- b. Virut kí sinh trên động vật
- c. Virut kí sinh trên thực vật
- d. Virut kí sinh trên người

31. Sinh vật nào sau đây là vật trung gian làm lan truyền bệnh truyền nhiễm phổ biến nhất .

- a. Virut
- b. Vi khuẩn
- c. Động vật nguyên sinh
- d. Côn trùng

32. Bệnh truyền nhiễm sau đây không lây truyền qua đường hô hấp là

- a. Bệnh SARS c. Bệnh AIDS
b. Bệnh lao d. Bệnh cúm

33. Khả năng của cơ thể chống lại các tác nhân gây bệnh được gọi là :

- a. Kháng thể c. Miễn dịch
b. Kháng nguyên d. Đề kháng

34. Yếu tố nào sau đây không phải của miễn dịch không đặc hiệu ?

- a. Các yếu tố đề kháng tự nhiên của da và niêm mạc .
b. Các dịch tiết của cơ thể như nước bọt , nước mắt , dịch vị .
c. Huyết thanh chứa kháng thể tiêm điều trị bệnh cho cơ thể .
d. Các đại thực bào , bạch cầu trung tính của cơ thể .

35. Người ta phân chia miễn dịch đặc hiệu làm mấy loại ?

- a.2 b.3 c.4 d.5

36. Nhóm miễn dịch sau đây thuộc loại miễn dịch đặc hiệu là :

- a. Miễn dịch tế bào và miễn dịch không đặc hiệu
b. Miễn dịch thể dịch và miễn dịch tế bào
c. Miễn dịch tự nhiên và miễn dịch thể dịch
d. Miễn dịch tế bào và miễn dịch bẩm sinh

37. Một chất (A) có bản chất prôtêin khi xâm nhập vào cơ thể khác sẽ kích cơ thể tạo ra chất gây phản ứng đặc hiệu với nó . Chất (A) được gọi là

- a. Kháng thể c. Chất cảm ứng
b. Kháng nguyên d. Chất kích thích

38. Chất gây phản ứng đặc hiệu với kháng nguyên được gọi là :

- a. Độc tố c. Kháng thể
b. Chất cảm ứng d. Hoocmon

39. Loại miễn dịch nào sau đây có sự tham gia của các tế bào limphô T độc ?

- a. Miễn dịch tự nhiên c. Miễn dịch thể dịch
b. Miễn dịch bẩm sinh d. Miễn dịch tế bào